

ẢNH HƯỞNG CỦA BỐI CẢNH LỊCH SỬ ĐẾN HOẠT ĐỘNG LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG VIỆT NAM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1969

✦ ThS. TRẦN THỊ THÚY

Học viện Chính trị khu vực IV

Ngày tiếp nhận: 19/8/2025 Ngày bình duyệt: 06/10/2025 Ngày duyệt đăng: 25/10/2025

• **Tóm tắt:** Giai đoạn 1954 - 1969 là thời kỳ đặc biệt trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam, gắn liền với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam và thống nhất Tổ quốc. Trên cơ sở làm rõ bối cảnh lịch sử này, bài viết phân tích những ảnh hưởng của bối cảnh đó đến hoạt động lãnh đạo cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, qua đó hiểu rõ hơn tầm vóc tư duy chiến lược, bản lĩnh chính trị của Người.

• **Từ khóa:** Bối cảnh lịch sử, độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, chủ tịch Hồ Chí Minh

1. Bối cảnh lịch sử thế giới

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ra đời và nhanh chóng phát triển, hình thành một khối thống nhất từ châu Âu sang châu Á. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Đông Âu, Trung Quốc... đạt được nhiều thành tựu lớn. Về kinh tế, trong giai đoạn từ cuối thập niên 1950 đến đầu thập niên 1960, tỷ trọng sản lượng công nghiệp của các nước xã hội chủ nghĩa chiếm khoảng 30% tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới. Về tốc độ phát triển, nếu so sánh trong cùng một thời gian thì các nước thuộc Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) có tốc độ phát triển tăng trung bình là 10,4%, còn các nước tư bản thuộc khối các nước thuộc Hiệp ước an ninh và hợp tác châu Âu (OECD) chỉ tăng 5,4%. Trên cơ sở tăng trưởng, phát triển kinh tế cao và ổn định,

các nước xã hội chủ nghĩa “không chỉ đủ khả năng đương đầu với sự bao vây, phá hoại về kinh tế của chủ nghĩa đế quốc mà còn góp phần tích cực vào việc giúp đỡ các nước mới giành được độc lập về chính trị”¹.

Sự lớn mạnh của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa tạo điều kiện thuận lợi để cách mạng Việt Nam có thêm động lực về tinh thần và nguồn lực về vật chất trong khôi phục và phát triển kinh tế ở miền Bắc, đấu tranh thống nhất đất nước ở miền Nam. Hồ Chí Minh đánh giá cao thành tựu của các nước xã hội chủ nghĩa, rút ra nhiều kinh nghiệm quý báu để vận dụng vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Song song với đó, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ và thu được những thắng lợi quan trọng. Từ châu Á, châu Phi đến châu Mỹ Latinh, nhiều nước thuộc địa cũ đã trở thành những nước độc

lập: “Nếu như trong 12 năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1957) mới có 20 nước giành được độc lập thì chỉ trong vòng 6 năm (1958 - 1964) đã có thêm 35 nước, riêng năm 1960 ở châu Phi đã có 18 nước giành được độc lập ở nhiều mức độ khác nhau”². Sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc đã tiếp thêm động lực, thúc đẩy quyết tâm của dân tộc Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc giành độc lập, thống nhất đất nước.

Đặc biệt, trong giai đoạn này “các dân tộc sau khi giành được độc lập, tuy khuynh hướng phát triển xã hội có khác nhau, nhưng đều có điểm chung là phát triển đất nước theo đường lối độc lập tự chủ và ủng hộ phong trào hòa bình, tiến bộ xã hội”³. Song, phần lớn các nước đó phải đối mặt với những khó khăn do hậu quả của chính sách cai trị bóc lột của chủ nghĩa thực dân như nghèo đói, lạc hậu. Đáng chú ý họ còn đứng trước nguy cơ bị lệ thuộc mới, trong đó, sự bóc lột thông qua đầu tư viện trợ, cho vay... càng làm sâu sắc thêm khoảng cách phân hóa giàu nghèo. Trước tình hình đó, yêu cầu đoàn kết nhằm bảo vệ độc lập dân tộc, chống lại các chính sách áp đặt của các nước lớn và đấu tranh cho hòa bình, tiến bộ xã hội đã thúc đẩy sự ra đời của *Phong trào Không liên kết*. Đây là phong trào quy tụ đông đảo các quốc gia mới giành độc lập, có lập trường ủng hộ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Sự tham gia rộng rãi của nhiều nước đã tạo nên tiếng nói có trọng lượng tại Liên hợp quốc và các diễn đàn quốc tế trong việc phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Với đường lối “trung lập”, phong trào cũng trở thành cầu nối và diễn đàn quan trọng giúp Việt Nam mở rộng quan hệ đối ngoại với các quốc gia ngoài khối xã hội chủ nghĩa, đồng thời vẫn duy trì được sự ủng hộ rộng rãi của bạn bè quốc tế.

Giai đoạn 1954 - 1969 là đỉnh điểm của cuộc Chiến tranh Lạnh. Sự đối đầu giữa hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa thể hiện rõ qua việc các bên không ngừng gia tăng chi phí quân sự và liên tiếp thành lập các khối, liên minh quân sự ở nhiều khu vực trên thế giới. Các nước tư bản chủ nghĩa, đứng đầu là Mỹ, lần lượt thành lập khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO, 1949), Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO, 1954) và khối Bát đũa (CENTO) ở Trung Đông (1955). Trong khi đó, các nước xã hội chủ nghĩa, đứng đầu là Liên Xô đã thành lập Tổ chức Hiệp ước Hữu nghị, Hợp tác và Tương trợ Vác-sa-va (Warszawa (1955)) nhằm phòng vệ và đối phó với sự can thiệp của khối NATO trong chiến lược chống cộng.

Trong bối cảnh đó, khi Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam, nhân dân ta có trách nhiệm to lớn đứng ở tuyến đầu của nhân dân thế giới trong cuộc đấu tranh chống Mỹ xâm lược. Vì độc lập và thống nhất của Tổ quốc, vì sự nghiệp cách mạng và hòa bình của nhân loại, toàn thể đồng bào ta đoàn kết một lòng, quyết tâm hoàn thành sứ mệnh nặng nề nhưng vô cùng vẻ vang: đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kiên quyết giữ vững vị trí tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á, quyết đánh tan mọi kế hoạch phiêu lưu của giặc Mỹ xâm lược. Cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam hiện nay chẳng những nhằm bảo vệ quyền lợi dân tộc thiêng liêng của mình, mà còn góp phần bảo vệ hệ thống xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình ở châu Á và thế giới”⁴. Bên cạnh đó, bối cảnh thế giới thời kỳ này còn chịu tác động từ diễn biến của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là sự rạn nứt trong quan hệ giữa Liên Xô và Trung Quốc. Sự bất hòa giữa các nước trong phe xã hội chủ nghĩa không

chỉ làm suy yếu lực lượng cách mạng thế giới, gây bất lợi cho phong trào giải phóng, phong trào đấu tranh vì hòa bình hữu nghị giữa các dân tộc mà còn ảnh hưởng rất lớn đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà ở miền Nam. Bởi lẽ, sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa là nhân tố vô cùng quan trọng để nhân dân ta giành thắng lợi.

Việc Liên Xô chế tạo thành công bom khinh khí (năm 1953) và phóng thử thành công tên lửa đạn đạo xuyên lục địa (năm 1957) có khả năng vươn tới “bất cứ nơi nào trên thế giới” đã mở ra một trang mới trong lịch sử chinh phục không gian vũ trụ của nhân loại; đồng thời làm thay đổi tương quan sức mạnh giữa các cường quốc, khiến nước Mỹ không còn là “bất khả xâm phạm”. Trước những thành tựu to lớn của Liên Xô trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm nhận thấy vai trò có tính quyết định của khoa học - kỹ thuật, giáo dục và con người đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Vì vậy, Người luôn đặc biệt quan tâm đến việc bồi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ; đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật; phát triển khoa học - kỹ thuật; coi đó là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những nhận thức và hành động đó không chỉ thể hiện tầm nhìn chiến lược của Người về vai trò của tri thức và khoa học trong tiến trình phát triển dân tộc, mà còn củng cố niềm tin vững chắc vào thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

2. Bối cảnh lịch sử Việt Nam

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, Hiệp định Giơnevơ được ký kết (1954) buộc Pháp công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Tuy nhiên, Hiệp định quy định tạm thời lấy vĩ tuyến 17 làm ranh

giới quân sự, chờ tổng tuyển cử thống nhất đất nước trong hai năm. Đây là bước ngoặt quan trọng, mở đường cho cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ phát triển mới với cả những thuận lợi và khó khăn: miền Bắc hoàn toàn giải phóng, bắt đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; trong khi miền Nam vẫn bị Mỹ và tay sai chống phá Hiệp định, đàn áp phong trào cách mạng, ngăn trở đất nước thống nhất. Chính bối cảnh đó đã tác động sâu sắc đến hoạt động lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh - từ tư duy đến hành động, từ xác định nhiệm vụ đến tổ chức thực hiện.

2.1. Bối cảnh lịch sử Việt Nam giai đoạn 1954 - 1964

Ở miền Bắc, chính quyền cách mạng tiếp quản các vùng giải phóng trong điều kiện nhận được sự ủng hộ và tin tưởng tuyệt đối của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; miền Bắc đã được hòa bình, độc lập, chính quyền dân chủ nhân dân được củng cố; đồng thời nhận được sự giúp đỡ to lớn của các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa và phong trào cách mạng thế giới. Tuy nhiên, thời kỳ này có nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh tàn phá và chính sách thực dân của Pháp sau gần một thế kỷ với nền nông nghiệp (chiếm tỷ trọng hơn 90%) nhưng manh mún, lạc hậu, “làm cho đời sống của nông dân vô cùng thiếu thốn, ngay cả lương thực cũng không đủ ăn (trong khi có tới hơn 140.000 ha ruộng đất bị bỏ hoang)”⁵, công nghiệp nghèo nàn, yếu kém, “sau khi Pháp rút đi chỉ có trên hai mươi xí nghiệp, nhà máy với trang thiết bị kỹ thuật cũ kỹ, nhiều cơ sở bị địch tháo dỡ đem đi hoặc bị phá hoại không sản xuất ngay được”⁶, lực lượng sản xuất thấp, trình độ tổ chức - quản lý hạn chế, thiếu cán bộ kỹ thuật, chưa có kinh nghiệm về tổ chức sản xuất, nền văn hóa cổ truyền của dân tộc hầu như bị phá hủy hoàn

toàn bởi chủ nghĩa thực dân, trong khi nền văn hóa mới vẫn chưa hình thành, các tàn tích của thực dân, phong kiến, các hủ tục lạc hậu vẫn còn ảnh hưởng nặng nề trong nhân dân; tình hình an ninh trật tự còn khá phức tạp do Pháp và Mỹ cài gián điệp, tung biệt kích để phá hoại, gây rối; đặc biệt, Mỹ lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo xuyên tạc, kích động, cưỡng ép hàng vạn giáo dân miền Bắc di cư vào Nam, gây mất ổn định chính trị và an ninh miền Bắc... “Tóm lại là một cảnh tượng hoang tàn, xơ xác”⁷.

Trong bối cảnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo Đảng xác định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa phù hợp. *Về chính trị*, xác định nhiệm vụ trọng tâm: đưa miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo tiềm lực về mọi mặt để miền Bắc trở thành cơ sở vững chắc cho nhân dân cả nước trong cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. *Về kinh tế*, chủ trương khôi phục và phát triển kinh tế, thực hiện cải cách ruộng đất để “người cày có ruộng”. Tiến hành công nghiệp hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất. Cải tạo công thương nghiệp tư bản, phát triển kinh tế quốc doanh. *Về văn hóa - xã hội*: coi trọng giáo dục, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, chăm lo sức khỏe nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ năm 1954 đến năm 1957, miền Bắc đã cơ bản hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục các cơ sở nông nghiệp và công nghiệp. Giai đoạn 1957 - 1960, Đảng chủ trương thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa, lấy cải tạo xã hội chủ nghĩa làm nhiệm vụ trọng tâm và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Mười một triệu nông dân lao động tự nguyện tham gia hợp tác xã, vững bước trên con đường làm ăn tập thể; hầu hết thợ thủ công được tổ chức lại; toàn bộ công thương nghiệp

tư bản được “hòa bình cải tạo”. Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo trong các ngành kinh tế quốc dân; chế độ người bóc lột người căn bản bị xóa bỏ; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được hình thành. Từ năm 1960 - 1965, miền Bắc thực hiện kế hoạch năm năm lần thứ nhất, từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và thực hiện những bước đầu của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đánh giá khoảng thời gian 10 năm (1954 - 1964) miền Bắc đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới. Làng xóm ta xưa kia lam lũ quanh năm mà vẫn quanh năm đói rách. Làng xóm ta ngày nay bốn mùa nhộn nhịp cảnh làm ăn tập thể. Đâu đâu cũng có trường học, nhà gửi trẻ, nhà hộ sinh, câu lạc bộ, sân và kho của hợp tác xã, nhà mới của xã viên. Đời sống vật chất ngày càng ấm no, đời sống tinh thần ngày càng tiến bộ”⁸. Những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tạo bầu không khí phấn khởi, khẳng định tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa và cho phép chúng ta tin tưởng chắc chắn ở sự cần thiết và khả năng một nước như Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội một cách thẳng lợi không phải qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa.

Tuy nhiên, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong giai đoạn này bộc lộ một số hạn chế, đặc biệt trong chỉ đạo thực hiện cuộc cải cách ruộng đất (1955-1956); đó còn là khó khăn lớn trên bước đường phát triển của cách mạng với những hạn chế, yếu kém cần phải ra sức khắc phục như trình độ quản lý kinh tế kém, tinh thần trách nhiệm chưa thật cao, chất lượng sản phẩm chưa thật tốt, tệ quan liêu, lãng phí, tham ô còn khá nhiều... Nhằm khắc phục những hạn chế đó,

Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp lãnh đạo xây dựng đường lối để hướng dẫn cho cán bộ, nhân dân cách thức tổ chức thực hiện từ những vấn đề cụ thể trong sản xuất, thủy lợi, chăm sóc cây trồng... đến chỉ dẫn cách thức xây dựng tổ chức cơ sở đảng; cách thức phát triển địa phương; kiện toàn và phát triển chế độ dân chủ; cải thiện dần dần đời sống của nhân dân, trước hết là của công nhân, bộ đội, cán bộ và viên chức. Nhờ đó, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, miền Bắc đã phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, khẳng định những giá trị ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

Ở miền Nam, theo Hiệp định Giơnevơ “phải bảo đảm các quyền dân chủ cho nhân dân miền Nam Việt Nam, không được khủng bố trả thù những người yêu nước trước đây đã chiến đấu để giải phóng đất nước khỏi ách thực dân Pháp. Sau hai năm, phải tổ chức tổng tuyển cử dân chủ để hòa bình thống nhất đất nước”⁹. Tuy nhiên, ngay sau Hội nghị Giơnevơ, Mỹ đã can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam với âm mưu chia cắt lâu dài đất nước, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á; đồng thời, thiết lập phòng tuyến nhằm ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản lan xuống các khu vực còn lại trong khu vực.

Mỹ nhanh chóng đưa Ngô Đình Diệm - một phần tử chống cộng cực đoan về miền Nam, dựng lên một chính quyền tay sai phục vụ chiến lược của Mỹ tại Việt Nam. Nhằm trì hoãn việc hiệp thương, tổng tuyển cử theo quy định trong Hiệp định Giơnevơ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã thực hiện một loạt các thủ đoạn chính trị: tháng 10/1955, tiến hành trưng cầu dân ý phế truất Bảo Đại; tháng 3/1956 tiến hành vận động bầu cử lập ra Quốc hội bù nhìn, suy tôn Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa

(10/1956). Sau khi thiết lập chế độ độc tài Ngô Đình Diệm, Mỹ tăng cường viện trợ kinh tế, quân sự để giúp Ngô Đình Diệm xây dựng lực lượng đội quân tay sai gồm nhiều sư đoàn chính quy, được trang bị vũ khí hiện đại. Dưới sự hậu thuẫn của Mỹ, bắt đầu từ năm 1955, chính quyền Ngô Đình Diệm tập trung lực lượng tấn công tiêu diệt các phe phái chống đối, trả thù những người kháng chiến cũ theo phương châm “thà giết nhầm còn hơn bỏ sót”, “tiêu diệt cộng sản đến tận gốc”. Chúng phát động những chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng” hết sức khốc liệt. Chúng chủ trương đánh phá cơ sở cách mạng, tiêu diệt Đảng, tước đoạt mọi quyền lợi mà Đảng đã mang lại cho nhân dân miền Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám. Tháng 3/1959, Ngô Đình Diệm tuyên bố đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh. Ngày 06/5/1959, chính quyền ban hành đạo luật phản động số 10/1959, thiết lập ba tòa án quân sự đặc biệt ở Sài Gòn, Buôn Ma Thuột và Huế với quyền đưa bị can ra hành quyết tại chỗ không cần xét xử. Không khí khủng bố, đàn áp bao trùm khắp nơi, từ nông thôn đến thành thị. Cả miền Nam biến thành một trại giam khổng lồ, “các nhà tù, trại giam, trại tập trung chật ních những người vô tội, họ bị hành hạ, đánh đập rất dã man, bị xâu dây thép qua tay rồi đem phơi nắng, hoặc bị buộc đã vào cổ ném xuống sông...”¹⁰.

Không khí miền Nam lúc bấy giờ vô cùng ngột ngạt. Chính sách phát xít độc tài của chính quyền Ngô Đình Diệm và can thiệp của Mỹ với phương châm “giết sạch, cướp sạch, đốt sạch” đã đẩy nhân dân miền Nam vào tình thế cùng cực. Trước tình hình đó, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định, không thể trông chờ vào Tổng tuyển cử để thống nhất đất nước, mà phải chủ động tiến hành con đường đấu tranh cách mạng nhằm giải phóng miền Nam,

kiên quyết chống lại sự can thiệp của Mỹ và chế độ phát xít độc tài kiểu Mỹ do Ngô Đình Diệm đứng đầu.

Tháng 01/1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị lần thứ 15 (mở rộng) về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà. Sau khi phân tích đặc điểm tình hình Việt Nam từ khi hòa bình được lập lại và xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, Hội nghị đã tập trung bàn về Đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam. Căn cứ vào tình hình xã hội miền Nam và thái độ của các giai cấp về vấn đề dân tộc, Hội nghị xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam “là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và “người cày có ruộng”, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”. Về phương hướng phát triển của cách mạng miền Nam, Hội nghị nhấn mạnh: “Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân”¹¹. Lực lượng cách mạng miền Nam bao gồm công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và nhân sĩ yêu nước. Động lực cách mạng là công, nông, tiểu tư sản, lấy khối công nông liên minh làm cơ sở và do giai cấp công nhân lãnh đạo. Mũi nhọn chủ yếu cần tập trung đánh đổ là Mỹ và tay sai thân Mỹ (trong giai cấp địa chủ và tư sản mại bản). Song, do đặc tính hiếu chiến của Mỹ nên “trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ”¹².

Dưới chỉ đạo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 (tháng 01/1959), phong trào cách mạng ở miền Nam đã bước sang giai đoạn mới. Nhân dân miền Nam đồng loạt vùng

lên trong phong trào Đồng Khởi, khởi đầu tại Bến Tre và nhanh chóng lan rộng khắp Nam Bộ, Tây Nguyên. Phong trào này đã giáng một đòn mạnh mẽ vào chính sách khủng bố, đàn áp của chính quyền Mỹ - Diệm, làm tan rã hệ thống chính quyền cơ sở của địch ở nhiều địa phương. Âm mưu “bình định miền Nam trong thời gian ngắn” của Mỹ - Diệm hoàn toàn phá sản, các kế hoạch phản cách mạng của chúng lần lượt thất bại nặng nề.

2.2. Bối cảnh lịch sử Việt Nam giai đoạn 1965 - 1969

Những thành tựu nhân dân miền Bắc đạt được trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã trở thành mối lo ngại của Mỹ và chính quyền tay sai. Cùng với thất bại nặng nề của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, chính quyền Sài Gòn rơi vào tình trạng khủng hoảng. Nhà Trắng và Lầu Năm Góc cho rằng, “nguyên nhân của mọi thất bại của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” đều được Mỹ quy kết là do Bắc Việt Nam”¹³. Do đó, để cứu vãn tình hình, Mỹ đã liều lĩnh mở rộng chiến tranh, đưa không quân và hải quân ra đánh phá miền Bắc. Dưới làn bom đạn của kẻ thù, những kết cấu hạ tầng giao thông, các cơ sở sản xuất, trường học, bệnh viện vừa mới được xây dựng trong 10 năm hòa bình ở miền Bắc bị tàn phá nặng nề. Mỹ tin rằng việc mở rộng hoạt động không quân, ném bom, bắn phá miền Bắc có thể gây áp lực hùng làm cho ta giảm sức tấn công ở miền Nam; hạn chế sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, đồng thời tạo dư luận quốc tế nhằm ép Việt Nam phải nhân nhượng, chấm dứt cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam. Trước tình hình đó, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời chỉ đạo chuyển nền kinh tế miền Bắc từ sản xuất thời bình sang sản xuất thời chiến, tăng cường công tác phòng thủ, bảo vệ miền Bắc, mở rộng các lực lượng

vũ trang theo kế hoạch xây dựng lực lượng thời chiến, phát huy vai trò miền Bắc là hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam. Thực hiện nhiệm vụ chiến lược “vừa sản xuất, vừa chiến đấu”; đồng thời, phải làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, “Một người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”... Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Trung ương Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, miền Bắc không chỉ trở thành tuyến đầu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ mà còn là hậu phương vững chắc góp phần quyết định vào thắng lợi trên chiến trường miền Nam.

Trên chiến trường miền Nam, Mỹ đưa hàng chục vạn quân Mỹ và quân đội chư hầu trực tiếp xâm lược. Ngày 10/4/1965, tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa III, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Dù Mỹ đưa thêm mấy chục vạn binh sĩ Mỹ và cố lôi kéo thêm quân đội các nước chư hầu vào cuộc chiến tranh tội ác này, thì quân và dân ta cũng quyết đánh thắng chúng”¹⁴. Khắp mọi miền đất nước, nhân dân và các lực lượng vũ trang Việt Nam đều hạ quyết tâm chống Mỹ. Cả miền Nam sôi sục ý chí: “quyết không đời nào buông lỏng vũ khí khi những mục tiêu cơ bản của nhân dân miền Nam là độc lập, dân chủ, hòa bình và trung lập chưa thực hiện được. Nhân dân miền Nam quyết tiếp tục giáng những đòn sấm sét xuống đầu bọn xâm lược Mỹ, bọn tay sai và nhất định sẽ giành được thắng lợi cuối cùng”¹⁵. Các trận đánh và chiến dịch tiêu diệt quân Mỹ và chư hầu với quy mô lớn diễn ra rộng khắp: Pleiku (07/2/1965), Núi Thành (Quảng Nam, 26/5/1965), Vạn Tường (Quảng Ngãi, 18/8/1965), đặc biệt cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 đã làm chấn động nước Mỹ, buộc Tổng thống Mỹ Giôn-xơn chấm dứt

vô điều kiện việc ném bom, bắn phá miền Bắc và chấp nhận đàm phán tại Paris. Tháng 01/1969, Hội nghị Paris được diễn ra với sự tham gia đàm phán của bốn bên: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hoa Kỳ, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (sau này là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam) và đại diện chính quyền Sài Gòn, tạo tiền đề cho thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trong bối cảnh đất nước tạm thời bị chia cắt, hai miền thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Hai nhiệm vụ đó đều hướng tới một mục tiêu chung là củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất đất nước trên nền tảng độc lập và dân chủ.

Trong giai đoạn 1954 - 1969, các hoạt động lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đều tập trung vào việc xây dựng miền Bắc vững mạnh về mọi mặt, làm hậu phương lớn cho tiền tuyến miền Nam; đồng thời, lãnh đạo nhân dân miền Nam kiên cường đấu tranh, đánh bại mọi chiến lược chiến tranh của Mỹ và tay sai, tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đó là minh chứng sinh động cho tầm nhìn chiến lược, bản lĩnh cách mạng kiên định và trí tuệ lỗi lạc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. ■

^{1,3,5,6,10} Trần Minh Trường (2005): *Hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1954 đến 1969*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr.15, 17, 7, 8, 11.

^{2,13} Phạm Chí Nhân (2021): *Bác Hồ với cuộc kháng chiến chống Mỹ*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.228, 218.

^{4,7,8,9,14} Hồ Chí Minh (2021): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.14, tr.607, 273, 276, 144-145, 531.

^{11,12} Đảng Cộng sản Việt Nam (2002): *Văn kiện toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.20, tr.81-82, 85.

¹⁵ Trần Đình Dương (2011): *Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - Mục tiêu chiến lược và con đường tiếp cận*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.341-342.